



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI
KHOA QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

TIỂU LUẬN
HỌC PHẦN: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Tên đề bài:

**TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP NỀN KINH TẾ VIỆT NAM ĐÃ
GẶP PHẢI NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI GÌ VỀ VẤN ĐỀ
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

SV thực hiện: Phan Thị Quỳnh

Lớp tính chỉ:

Lớp biên chế:

Giảng Viên hướng dẫn:



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	Trang
I.Một số vấn đề lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	
1. khái niệm	1
2. nội dung và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế	1
3. vai trò của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam	1
II. Thực trạng hội nhập KTQT của Việt Nam hiện nay	
1.Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	1
2. Một số kết quả đạt được về xuất-nhập khẩu	2
3. Đầu tư	1
4. Tăng trưởng kinh tế	1
III.Những thuận lợi và khó khăn trong hội nhập nền kinh tế việt nam và thương mại quốc tế	
1.Thuận lợi	3
2.Khó khăn	3
Bài học rút ra	1
IV.Kết luận	1
Danh mục tài liệu tham khảo	1

LỜI MỞ ĐẦU

Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế tất yếu biểu hiện sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất do phân công lao động quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng trên phạm vi toàn cầu dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và tích tụ tập trung tư bản dẫn tới hình thành nền kinh tế thống nhất. Sự hợp nhất về kinh tế giữa các quốc gia tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến nền kinh tế chính trị của các nước nói riêng và của thế giới nói chung. Đó là sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế có nhiều sự thay đổi. Sự ra đời của các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, EU, AFTA... và nhiều tam giác phát triển khác cũng là do toàn cầu hoá đem lại. Theo xu thế chung của thế giới, Việt Nam đã và đang từng bước cố gắng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây không phải là một mục tiêu nhiệm vụ nhất thời mà là vấn đề mang tính chất sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay cũng như sau này. Bởi một nước mà đi ngược với xu hướng chung của thời đại sẽ trở nên lạc hậu và bị cô lập, sớm hay muộn nước đó sẽ bị loại bỏ trên đấu trường quốc tế. Hơn thế nữa, một nước đang phát triển, lại vừa trải qua chiến tranh tàn khốc, ác liệt... thì việc chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới thì lại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Trong quá trình hội nhập, với nội lực dồi dào sẵn có cùng với ngoại lực sẽ tạo ra thời cơ phát triển kinh tế. Việt Nam sẽ mở rộng được thị trường xuất nhập khẩu, thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, tiếp thu được khoa học công nghệ tiên tiến, những kinh nghiệm quý báu của các nước kinh tế phát triển và tạo được môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, một vấn đề bao giờ cũng có hai mặt đối lập. Hội nhập kinh tế quốc tế mang đến cho Việt Nam rất nhiều thời cơ thuận lợi nhưng cũng đem lại không ít khó khăn thử thách. Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta sẽ từng bước khắc phục những khó khăn để đưa đất nước phát triển. Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan đối với Việt Nam. Để góp phần tìm hiểu sâu quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và những thời cơ, thách thức trong quá trình hội nhập, em chọn đề tài “Những khó khăn và thuận lợi trong hội nhập nền kinh tế Việt Nam” làm tiểu luận hết môn học. Do trình độ có hạn, nguồn tư liệu chưa nhiều, thời gian gấp, nên trong quá trình nghiên cứu khó tránh khỏi những sơ suất, em rất mong các thầy cô giáo góp ý và thông cảm.

I. Một số vấn đề lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

1. Khái niệm: Hội nhập kinh tế

Hội nhập kinh tế là việc gắn kết nền kinh tế nước ta với các nền kinh tế khác trên thế giới, xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả. (theo

<https://www.wattpad.com>)

2. Nội dung và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế:

- Nguyên tắc chung
 - Không phân biệt đối xử giữa các quốc gia
 - Tiếp cận thị trường các nước cạnh tranh công bằng
 - Dành ưu đãi cho các nước đang và chậm phát triển

Tuy nhiên, đôi với từng tổ chức có các nguyên tắc cụ thể riêng biệt.

- Nội dung: Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế là mở cửa thị trường cho nhau, thực hiện thuận lợi hóa, tự do hóa thương mại và đầu tư, cụ thể là:
 - Về thương mại hàng hoá: các nước cam kết bãi bỏ hàng rào phi thuế quan như quota, giấy phép xuất khẩu..., biểu thuế nhập khẩu được giữ hiện hành và giảm dần theo lịch trình thoả thuận...
 - Về thương mại dịch vụ: các nước mở cửa thị trường cho nhau với cả bốn phương thức: cung cấp qua biên giới, sử dụng dịch vụ ngoài lãnh thổ, thông qua liên doanh, hiện diện.
 - Về thị trường đầu tư: không áp dụng đối với đầu tư nước ngoài yêu cầu về tỉ lệ nội địa hoá, cân bằng xuất nhập khẩu và hạn chế tiếp cận nguồn ngoại tệ, khuyến khích tự do hoá đầu tư...

3. Vai trò của hội nhập KTQT đối với Việt Nam

Trong thời đại ngày nay, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế đã và đang là một trong những vấn đề thời sự đối với hầu hết các nước. Xu hướng toàn cầu hoá được thể hiện rõ ở sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới về thương mại và về tài chính.

Tuy nhiên trong xu thế toàn cầu hoá các nước giàu luôn có những lợi thế về lực lượng vật chất và kinh nghiệm quản lý. Còn các nước nghèo có nền kinh tế yếu kém dễ bị thua thiệt, thường phải trả giá đắt trong quá trình hội nhập.

Là một nước nghèo trên thế giới, sau mấy chục năm bị chiến tranh tàn phá, Việt Nam bắt đầu thực hiện chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, từ một nền kinh tế tự túc nghèo nàn bắt đầu mở cửa tiếp xúc với nền kinh tế thị trường rộng lớn đầy rẫy những sức ép, khó khăn.

Đứng trước xu thế phát triển tất yếu, nhận thức được những cơ hội và thách thức mà hội nhập đem lại, Việt Nam, một bộ phận của cộng đồng quốc tế không thể khước từ hội nhập. Chỉ có hội nhập mới giúp Việt Nam khai thác hết những nội lực sẵn có của mình để tạo ra những thuận lợi phát triển kinh tế.

Chính vì vậy mà đại hội Đảng VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1991 đã đề ra đường lối chiến lược: “Thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại”. Đến đại hội đảng VIII, nghị quyết TW4 đã đề ra nhiệm vụ: “giữ vững độc

lập tự chủ, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài, xây dựng một nền kinh tế mới, hội nhập với khu vực và thế giới”.

II. **Thực trạng hội nhập KTQT của Việt Nam hiện nay**

1. Tiến trình hội nhập KTQT

Chúng ta có 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã và đang tham gia đàm phán, trong đó có 9 FTA đã ký có hiệu lực, 2 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực, 1 FTA đã kết thúc đàm phán và 4 FTA đang đàm phán.(theo <http://infonet.vn/> 22/9/2016)

Các mốc quan trọng đó là:

Năm 1995 Việt Nam gia nhập ASEAN.

Năm 2000, Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ, tạo sức bật về đầu tư, tăng trưởng xuất khẩu;

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO;

Năm 2015 Việt Nam cùng các nước kết thúc đàm phán Hiệp định TPP.

Ông Ngô Chung Khanh, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương cho biết: Việt Nam là nước tích cực đàm phán, ký kết FTA nhất trên thế giới. Chúng ta có 16 FTA đã và đang tham gia đàm phán, trong đó có 9 FTA đã ký có hiệu lực, 2 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực, 1 FTA đã kết thúc đàm phán và 4 FTA đang đàm phán. Riêng năm 2015 chúng ta đàm phán 5 FTA: Hiệp định TPP, FTA giữa Việt Nam – EU; FTA Liên minh kinh tế Á- Âu, FTA với Hàn Quốc...”.

2. Một số kết quả đạt được về xuất-Nhập khẩu

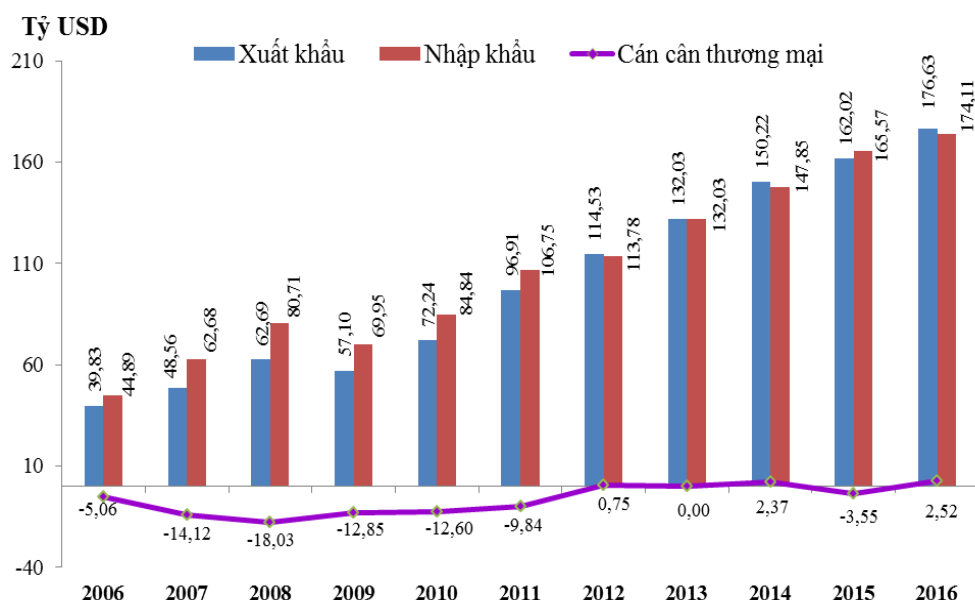
(theo Thống kê Hải quan 18/01/2017 5:00 PM, <https://www.customs.gov.vn>)

- mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hoá tới trên 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ(Theo các Báo cáo của các Bộ/ngành của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế)
- TS. Võ Trí Thành, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương nêu rõ 3 chuyển biến lớn trong quá trình hội nhập của Việt Nam: Từ đơn phương đến đa phương; từ kinh tế sang toàn diện; từ thương mại đầu tư sang các lĩnh vực dịch vụ. Hội nhập trở thành bộ phận hữu cơ của cải cách trong phát triển.
- Với việc triển khai và hoàn tất 15 FTA đến năm 2020, Việt Nam sẽ trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới kết nối rộng lớn với 56 nền kinh tế, trong đó có 18 thành viên APEC và hầu hết các trung tâm kinh tế thế giới, qua đó nâng cao hình ảnh quốc gia, vị thế quốc tế của Việt Nam. Chỉ riêng trong giai đoạn 2011 - 2013, Việt Nam đã thu hút được 3.568 dự án FDI cấp mới với số vốn đăng ký là 49.997 triệu USD, vốn thực hiện là 32.960 triệu USD và tạo việc làm cho hơn 5 triệu lao động...
- Về Xuất _Nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê sơ bộ phổ biến ngày 17/01/2016 của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 12/2016 của cả nước đạt hơn 33,66 tỷ USD, tăng 3,5% tương ứng tăng hơn 1,15 tỷ USD so với tháng trước. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 16,58 tỷ USD, tăng 2,8%, tương ứng tăng 451 triệu USD so với tháng trước; nhập khẩu đạt gần 17,08 tỷ USD, tăng 4,3% tương ứng tăng 702 triệu USD.

Tính đến hết 12 tháng/2016 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt hơn 350,74 tỷ USD, tăng 7,1%, tương ứng tăng gần 23,16 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 176,63 tỷ USD, tăng 9%, tương ứng tăng gần 14,62 tỷ USD; nhập khẩu đạt hơn 174,11 tỷ USD, tăng 5,2%, tương ứng tăng hơn 8,54 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước tháng 12/2016 thâm hụt 494 triệu USD, đưa mức thặng dư thương mại của cả năm 2016 còn hơn 2,52 tỷ USD.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa từ năm 2006-2016



Nguồn: **Tổng cục Hải quan**

+ **Thị trường xuất khẩu:** Thị trường xuất khẩu năm 2016 của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực Châu Á với kim ngạch hơn 85,28 tỷ USD, chiếm 48,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó nổi bật như: thị trường Trung Quốc với kim ngạch hơn 21,97 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 12,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; thị trường Nhật Bản đạt gần 14,68 tỷ USD, tăng 3,9%, chiếm tỷ trọng 8,3%; Hàn Quốc đạt gần 11,42 tỷ USD, tăng 28%, chiếm tỷ trọng 6,5%; ...

Thị trường Châu Mỹ đạt kim ngạch hơn 47,38 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 26,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch hơn 38,46 tỷ USD; tăng 14,9%, chiếm tỷ trọng 21,78%; Thị trường Châu Âu với kim ngạch gần 37,84 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 21,4%. Trong đó, thị trường EU (28 nước) đạt gần 33,97 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 19,2%, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Châu Đại Dương đạt kim ngạch gần 3,39 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1,9%; Châu Phi đạt gần 2,74 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1,6%.

+ **Thị trường nhập khẩu:** Thị trường nhập khẩu của Việt Nam năm 2016 vẫn chủ yếu tập trung tại Châu Á với kim ngạch hơn 140,76 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm tỷ trọng 80,8% tổng kim ngạch

nhập khẩu của cả nước. Trong đó, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc với kim ngạch gần 49,93 tỷ USD, tăng 0,9%, và chiếm tỷ trọng 28,7%; đứng thứ 2 là thị trường Hàn Quốc đạt kim ngạch 32,03 tỷ USD, tăng 15,9%, chiếm tỷ trọng 18,4%; thị trường Nhật Bản đạt kim ngạch hơn 15,03 tỷ USD, tăng 4,7%, chiếm tỷ trọng 8,6%;...

Châu Mỹ là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với kim ngạch gần 14,5 tỷ USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; thị trường Châu Âu đạt kim ngạch gần 13,43 tỷ USD, tăng 9,5%. Trong đó thị trường EU (28 nước) đạt kim ngạch hơn 11,07 tỷ USD, tăng 6,18%, chiếm tỷ trọng 6,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

3. Đầu tư

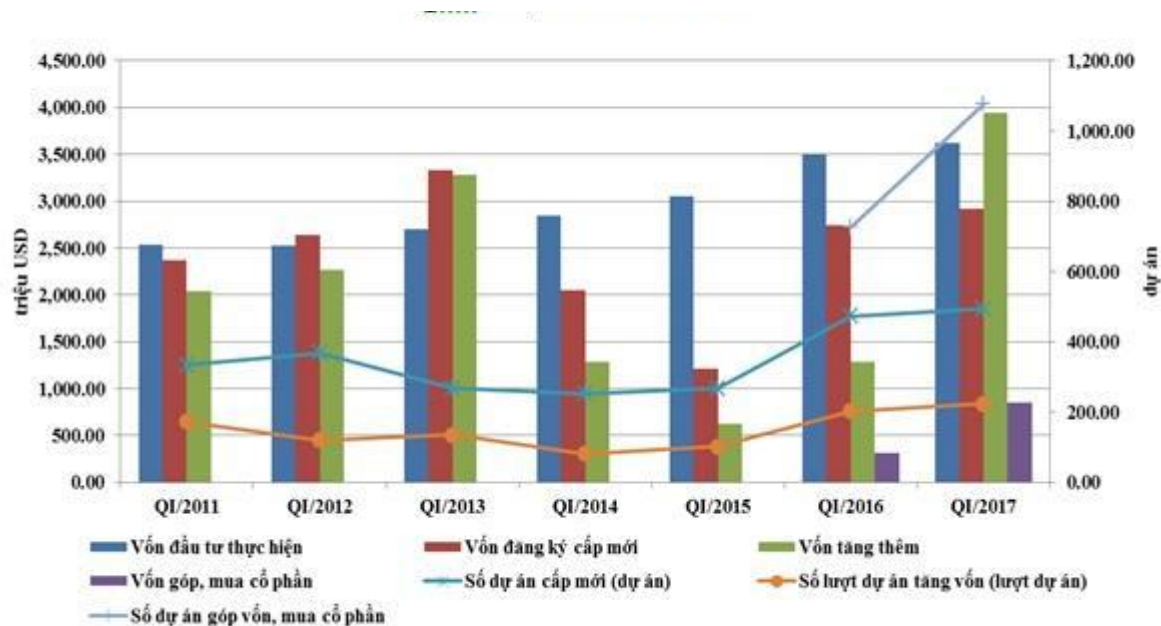
Về vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước: Trong các tháng đầu năm, hoạt động đầu tư, xây dựng chủ yếu tập trung vào thực hiện các dự án, công trình chuyển tiếp từ năm 2016. Chính phủ tích cực thực hiện các giải pháp nhằm huy động nguồn lực đầu tư trong xã hội và đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước theo Quyết định số 2562/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017. Theo đó, trong 2 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước tính đạt 25,46 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, tiến độ giải ngân so với kế hoạch tại nhiều đơn vị trung ương thấp hơn so với tỷ lệ chung và số vốn giải ngân giảm hơn so với cùng kỳ năm trước như: Bộ Giáo dục và Đào tạo (giảm 57,8%); Bộ Tài nguyên và Môi trường (giảm 39,8%); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (giảm 20,7%); Bộ Xây dựng (giảm 56,9%); Bộ Công Thương (giảm 49,4%); Bộ Khoa học và Công nghệ (giảm 59%); Bộ Thông tin và Truyền thông (giảm 45,7%).

Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2016, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam quý I năm 2017 đã đạt mức cao so với cùng kỳ các năm trước cả về số dự án cấp mới, số vốn đăng ký và vốn giải ngân. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần là 7,71 tỷ USD, tăng 77,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, có 493 dự án mới được cấp GCNĐT với tổng vốn đăng ký là 2,917 tỷ USD (tăng 6,5%); có 223 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,94 tỷ USD (tăng 206,4 %) và 1077 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà ĐTNN với tổng giá trị góp vốn là 852,86 triệu USD (tăng 171,5%). Vốn giải ngân ước đạt 3,62 tỷ USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2016..

Điều này có thể thấy những kỳ vọng tích cực của các nhà đầu tư về những cải cách mạnh mẽ về môi trường kinh doanh cũng như hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới của Chính phủ trong thời gian gần đây.(hình 2)

Hình 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam quý I(2011-2017)



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

4. Tăng trưởng kinh tế rất khả quan: ví dụ năm 2016 vừa qua

GDP quý I năm 2016 tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68%. Trong mức tăng 6,21% của toàn nền kinh tế Việt Nam năm 2016, khu vực nông – lâm – thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011.

Ngành nông nghiệp với quy mô lớn nhất trong khu vực (khoảng 75%) vì thế chỉ tăng thấp, ở mức 0,72% đóng góp 0,09 điểm phần trăm. Ngành thủy sản tăng 2,8% đóng góp 0,09 điểm phần trăm.

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2016, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,32% so với năm 2015, đóng góp 5,29 điểm phần trăm vào mức tăng chung (trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư đóng góp 4,81 điểm phần trăm); tích lũy tài sản tăng 9,71%, đóng góp 3,08 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở tình trạng nhập siêu làm giảm 2,16 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

III. Những thuận lợi và khó khăn trong hội nhập nền kinh tế Việt Nam

Hội nhập quốc tế luôn tồn tại hai mặt đối lập. Đó là hội nhập kinh tế mang đến cho Việt Nam rất nhiều thời cơ thuận lợi và đem lại không ít những thách thức. Kiểm chứng cho nhận định chính là tình hình thực tế sau 3 năm hội nhập kinh tế của nước ta

1. Thuận lợi

1.1 Hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện thuận lợi trong thị trường xuất nhập khẩu

Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế quan, xóa bỏ hàng rào phi thuế quan và các chế độ đãi ngộ khác đã tạo điều kiện cho hàng hóa của Việt Nam thâm nhập thị trường thế giới. Tạo điều kiện cho chúng ta mở rộng thị trường xuất khẩu và trong tương lai. Cùng với sự dần lớn mạnh của doanh nghiệp và nền kinh tế nước ta là mở rộng kinh doanh dịch vụ ra

ngoài biên giới quốc gia. Khi xuất khẩu tăng kéo theo số lượng việc làm được tạo ra sẽ nhiều hơn. Như vậy sẽ có tác động tốt, tạo ra nhiều việc làm cũng như tăng thu nhập của người lao động. Thực tế cho thấy những gì chúng ta đã đạt được rất khả quan. Năm 2016, Việt Nam xuất siêu gần 2,7 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 16 tỷ USD. tổng kim ngạch xuất khẩu 12 tháng của năm 2016 ước đạt 175,94 tỷ USD, tăng 8,6%

- **ví dụ** 1 số ngành có xuất khẩu tăng:

Điện thoại các loại và linh kiện xuất khẩu trong năm 2016 đạt 34,51 tỷ USD, tăng 14,4% so với năm 2015. Hàng dệt may xuất khẩu trên 23,56 tỷ USD, tăng 3,3% so với năm 2015...

1.2 Hội nhập kinh tế quốc tế cũng góp phần tăng thu hút đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển chính thức:

– Thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để thị trường nước ta được mở rộng, điều này sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư. Họ sẽ mang vốn và công nghệ vào nước ta, sử dụng lao động và tài nguyên sẵn có của nước ta làm ra sản phẩm tiêu thụ trên thị trường khu vực và thế giới với các ưu đãi mà nước ta có cơ hội mở rộng thị trường, kéo theo cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp trong nước huy động và sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

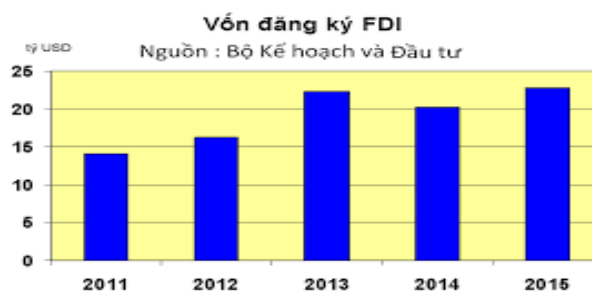
các con số thống kê dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2016 đã dần thành hình và nhiều khả năng, năm 2016, tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đạt khoảng trên 20 tỷ USD.

số dự án cấp mới vẫn trong xu hướng tăng. Trong 11 tháng của năm 2016 có 2.240 dự án FDI được cấp mới, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2015. Số dự án tăng vốn còn đáng kể hơn, với 1.075 dự án, tăng tới 55,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

“Các số liệu thống kê đang cho thấy tín hiệu rõ nét về xu hướng đầu tư, cả dự án cấp mới lẫn tăng vốn. Đặc biệt, nếu phân tích kỹ hơn ở tình hình giải ngân vốn FDI năm 2016, có thể thấy, các doanh nghiệp FDI đang hoạt động thuận lợi. Trong 11 tháng, ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân được 14,3 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2015”, các chuyên gia của Cục Đầu tư nước ngoài phân tích .

Tính riêng trong 11 tháng năm 2016, đã có 2.194 doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài từ 51% trở lên với tổng giá trị vốn góp là 3,9 tỷ USD.

Như vậy, nếu tính chung cả đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, thì vốn đăng ký trong 11 tháng năm 2016 là 22 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2015.



Hình 3: Vốn đăng ký FDI vào Việt Nam

1.3. Hội nhập quốc tế (gia nhập WTO) sẽ nâng cao vị thế của ta trên trường quốc tế về kinh tế, chính trị, ngoại giao... Thực tế cho thấy vai trò của nước ta trong các hoạt động của WTO, ASEAN, APEC, ASEM và các tổ chức quốc tế ngày càng được nâng cao (giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN...)

1.4 Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện cho ta tiếp thu khoa học, công nghệ tiên tiến, đào tạo cán bộ quản lý

Việt Nam gia nhập kinh tế quốc tế sẽ tranh thủ được kĩ thuật, công nghệ tiên tiến của các nước đi trước để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá, tạo cơ sở vật chất kĩ thuật cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nhập kinh tế quốc tế là con đường để khai thông thị trường nước ta với khu vực và thế giới, tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn và có hiệu quả. Qua đó mà các kĩ thuật, công nghệ mới có điều kiện du nhập vào nước ta, đồng thời tạo cơ hội để chúng ta lựa chọn kĩ thuật, công nghệ nước ngoài nhằm phát triển năng lực kĩ thuật, công nghệ quốc gia. Trong cạnh tranh quốc tế có thể công nghệ này là cũ đối với một số nước phát triển, nhưng lại là mới, có hiệu quả tại một nước đang phát triển như Việt Nam. Do yêu cầu sử dụng lao động của các công nghệ đó cao, có khả năng tạo nên nhiều việc làm mới. Trong những năm qua, cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật, nhất là công nghệ thông tin và viễn thông phát triển mạnh làm thay đổi bộ mặt kinh tế thế giới và đã tạo điều kiện để Việt Nam tiếp cận và phát triển mới này. Sự xuất hiện và đi vào hoạt động của nhiều khu công nghiệp mới và hiện đại như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình Dương, Hải Phòng... và những xí nghiệp liên doanh trong ngành công nghệ dầu khí đã chứng minh điều đó.

Hội nhập kinh tế quốc tế cũng góp phần không nhỏ vào công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong nhiều lĩnh vực. Phần lớn cán bộ khoa học kĩ thuật, cán bộ quản lý, các nhà kinh doanh đã được đào tạo ở trong và ngoài nước. Bởi mỗi khi liên doanh hay liên kết hay được đầu tư từ nước ngoài thì từ người lao động đến các nhà quản lý đều được đào tạo tay nghề, trình độ chuyên môn được nâng cao. Trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, theo số liệu tổng kết của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Đặc biệt trong an ninh quốc phòng, việc hội nhập giúp ta tiếp thu được khoa học, nhiều công nghệ tiên tiến, hơn thế Mỹ đã gỡ cấm vận với Việt Nam, giúp cho VN có được vũ khí tân hiện đại, học hỏi công nghệ, giúp nước ta bảo vệ được đất nước của mình

1.5. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng KH&CN hiện đại, nước ta có thể đi thẳng vào những công nghệ hiện đại để rút ngắn quá trình CNH, HĐH và khoảng cách phát

triển kinh tế so với các nước đi trước. Với tiềm năng trí tuệ dồi dào, nếu có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực đúng đắn, nước ta có thể sớm đi vào một số lĩnh vực của kinh tế tri thức

1.6 Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần duy trì hoà bình ổn định, tạo dựng môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trước đổi mới, Việt Nam chỉ có quan hệ ngoại giao chủ yếu với Liên Xô và các nước Đông Âu, Hiện nay, nước ta có quan hệ ngoại giao với 179 quốc gia trên thế giới, là thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế trong tất cả các lĩnh vực. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tham gia ngày càng tích cực vào các công việc của ASEAN, ASEM, APEC, WTO, đảm đương thành công vai trò Ủy viên không thường trực Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2008-2009 và Chủ tịch ASEAN năm 2010. Trong năm 2010, Việt Nam đã chính thức tham gia quá trình đàm phán về Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); ký tắt Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) với Liên minh Châu Âu và chuẩn bị khởi động đàm phán về Khu vực mậu dịch tự do với Liên minh Châu Âu.

Những thành tựu đó đã góp phần tạo dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định thuận lợi cho phát triển, đồng thời đóng góp trực tiếp vào quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước. Hội nhập đã tranh thủ nguồn lực bên ngoài rất quan trọng cho công cuộc xây dựng đất nước. Đồng thời, việc chúng ta tham gia tích cực vào việc giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng quốc tế, đóng góp vào quá trình xây dựng luật lệ và các chuẩn mực quốc tế đã và đang góp phần bảo đảm hòa bình và an ninh cho chính mình.

1.7. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội mở rộng giao lưu nguồn lực nước ta với các nước.

Với dân số hơn 80 triệu người, nguồn nhân lực nước ta khá dồi dào. Nhưng nếu chúng ta không hội nhập quốc tế thì việc sử dụng nhân lực sẽ lãng phí và kém hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo điều kiện cho nguồn nhân lực nước ta được khai thông, giao lưu với các nước, thực hiện theo đường lối đối ngoại của Đảng: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”. Ta có thể thông qua hội nhập để xuất khẩu lao động hoặc sử dụng lao động thông qua các hợp đồng gia công chế biến hàng xuất khẩu. Đồng thời tạo cơ hội để nhập khẩu lao động kỹ thuật cao, các công nghệ mới và các sáng chế mà ta chưa có.

2. Khó khăn

Mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ đưa lại những lợi ích mà còn đặt nước ta trước nhiều thử thách. Nếu chúng ta không có biện pháp ứng phó tốt thì sự thua thiệt về kinh tế và xã hội có thể rất lớn. Ngược lại, nếu chúng ta có chiến lược thông minh, chính sách không khéo thì sẽ hạn chế được thua thiệt, dành được lợi ích nhiều hơn cho đất nước.

2.1 Môi trường kinh doanh đầu tư ở Việt Nam mặc dù đang được cải tiến song nhìn chung còn chưa thuận lợi, còn nhiều khó khăn:

Khuôn khổ pháp lý chưa đảm bảo cho cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, sự độc quyền trong một số lĩnh vực của một số tổng công ty nhà nước, hệ thống tài chính ngân hàng còn yếu kém, sự thiếu minh bạch về cơ chế chính sách, chế độ thương mại còn nặng về bảo hộ, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thông thoáng. Các thể chế thị trường như thị

trường vốn, sức lao động, thị trường công nghệ, thị trường bất động sản... còn sơ khai, chưa hình thành đồng bộ.

2.2 Nguồn nhân lực Việt Nam dồi dào nhưng tay nghề kém, lợi thế về lao động rẻ có xu hướng mất dần:

Trước mắt, do giá nhân công còn rẻ và đang có thị trường rộng lớn nên ngành may mặc và giày da là hai ngành có lợi thế cạnh tranh cao nhất trong nhóm năm sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên lợi thế về nhân công rẻ đang mất dần và giá nhân công các ngành này hiện đang cao hơn một số nước trong khu vực. Hơn thế nữa, để đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng, trình độ tay nghề cần phải chi phí đầu tư lớn, điều này sẽ làm cho giá thành sản phẩm tăng lên, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hoá.

2.3 Sức ép cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Thách thức lớn nhất và dễ nhận thấy nhất xuất phát từ một nước đang phát triển có trình độ kinh tế thấp, quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém và bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé, sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ nói riêng và của toàn bộ nền kinh tế nói chung còn nhiều hạn chế, hệ thống chính sách kinh tế, thương mại chưa hoàn chỉnh. Cho nên, nước ta sẽ gặp khó khăn lớn trong cạnh tranh cả ở trong nước cả trên trường quốc tế ở 3 cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia.

2.4 Sự phân phối lợi ích không đồng đều giữa các khu vực, các ngành, các vùng miền của đất nước

Trên lĩnh vực xã hội, quá trình hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá đặt ra một thách thức nan giải đối với nước ta trong việc thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Sở dĩ vậy là vì lợi ích của toàn cầu hoá được phân phối một cách không đồng đều, những nước có nền kinh tế phát triển thấp được hưởng lợi ít hơn. Trong phạm vi mỗi quốc gia cũng vậy, một bộ phận dân cư được hưởng lợi ích ít hơn, thậm chí còn bị tác động tiêu cực của toàn cầu hoá; nguy cơ thất nghiệp và sự phân hoá giàu nghèo sẽ tăng lên mạnh mẽ. Sức ép toàn diện khi nước ta thực hiện các cam kết với WTO sẽ đè nặng lên khu vực nông nghiệp là nơi có tới gần 70% dân số và lực lượng lao động xã hội, đồng thời chúng ta còn sự hạn chế lớn về sức cạnh tranh của hàng hóa, về sự chưa phù hợp của nhiều chính sách... Trong tình hình như đã nêu, cơ cấu xã hội có thể biến động phức tạp và khó lường, làm cho sự phân tầng, phân hoá xã hội cũng trở thành yếu tố tiêu cực đối với bản thân sự phát triển của đất nước.

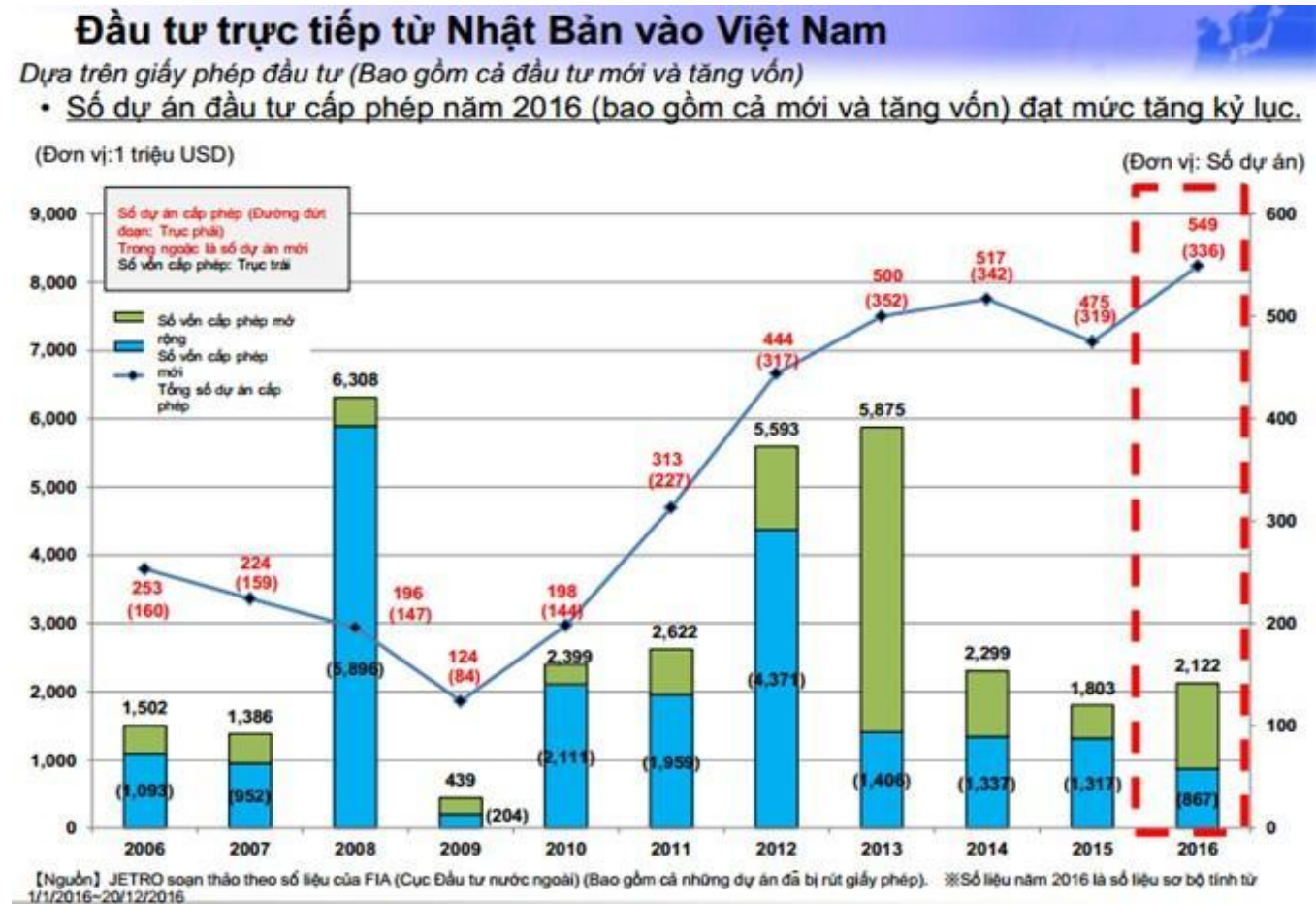
2.5 Đội ngũ cán bộ quản lý còn non kém

Để bảo đảm tiến trình hội nhập đạt hiệu quả, bên cạnh quyết tâm về chủ trương, cần phải có một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và đội ngũ doanh nhân đủ mạnh và chuyên gia trên nhiều lĩnh vực. Đây cũng là một khó khăn to lớn đối với Việt Nam do phần đông cán bộ của ta còn bị hạn chế về kinh nghiệm điều hành nền kinh tế mở, có sự tham gia của yếu tố nước ngoài. Mặt khác, rào cản ngôn ngữ cũng là một thách thức lớn trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu hiểu biết về thị trường thế giới và luật pháp quốc tế, năng lực quản lý còn yếu, trình độ công nghệ hạn chế, nên không nắm bắt được cơ hội mở cửa thị trường nước ngoài để đẩy mạnh phát triển, không tăng được thị phần trong thương

mại quốc tế. Nếu không có sự chuẩn bị phù hợp, thách thức này sẽ chuyển thành những khó khăn dài hạn rất khó khắc phục.

2.6 Thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng giảm(hình 4)

Hình 4:



2.7 Môi trường ngày càng bị ô nhiễm.

Môi trường đang ngày càng xấu đi như thoái hóa môi trường đất, do lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu, phát triển giống lúa cao sản làm cho đất bạc màu nhanh, xói mòn tài nguyên đất, làm giảm độ phì đất, môi trường nước bị ô nhiễm do công nghiệp và sử dụng phân bón hóa chất trong nông nghiệp gây ra, sự tàn phá rừng tự nhiên, xuống cấp chất lượng rừng, trong đó do sử dụng phát triển thủy sản, bão, lụt, lũ, hạn hán, cháy rừng xảy ra nghiêm trọng. Sâu bệnh ngày càng phát triển theo chiều hướng khó kiểm soát. Sự phát triển lương thực thực phẩm còn thiếu bền vững. Để phát triển nông nghiệp bền vững không phải chỉ có bền vững về môi trường mà phải đảm bảo cả bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội. Vì mưu sinh, người ta phải khai thác tài nguyên một cách bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp Việt Nam lấy danh nghĩa nhập phế liệu để về tận dụng tái chế, thực chất nhập rác do phế liệu có lẫn tạp chất khó có thể loại bỏ trong quá trình xử lý từ các

nước phát triển, chủ yếu từ Mỹ với giá rẻ. Điều đó biến môi trường sống Việt Nam thành bãi rác của các nước phát triển.

2.8 Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những yêu cầu về gìn giữ độc lập – an ninh – chủ quyền và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa đã và đang phát triển mạnh trên thế giới. Những mối quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng ra khỏi phạm vi của từng quốc gia riêng biệt và vươn tới nhiều lĩnh vực, không còn hạn chế trong thương mại hàng hóa mà lan toả sang các lĩnh vực khác như dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, môi trường. Vấn đề đặt ra là phải có quan niệm đúng đắn về khái niệm chủ quyền quốc gia trước xu thế mới và làm thế nào để có thể tận dụng một cách có hiệu quả và phát huy những lợi thế của mình mà vẫn bảo đảm giữ gìn bản sắc, bảo đảm chủ quyền quốc gia và định hướng XHCN mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Xu thế toàn cầu hoá và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế thông qua “siêu lộ” thông tin với mạng Internet, một mặt tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có để các dân tộc, cộng đồng ở mọi nơi có thể nhanh chóng trao đổi với nhau về hàng hoá, dịch vụ, kiến thức... Qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển khoa học và công nghệ, mở mang sự hiểu biết về văn hoá của nhau. Mặt khác, quá trình trên cũng làm nảy sinh mối nguy cơ ghê gớm về sự đồng hoá các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn, đe dọa, làm suy kiệt khả năng sáng tạo của nền văn hoá, nhân tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại của nhân loại.

Như vậy chỉ có trên cơ sở giữ gìn và phát huy những giá trị ưu tú của văn hoá dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại thì văn hoá Việt Nam ngày nay mới có thể đóng được vai trò vừa là mục tiêu, vừa là động lực và sẽ điều tiết sự phát triển của kinh tế xã hội.

=> Bài học rút ra:

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần xuất phát từ yêu cầu bên trong của đất nước, phù hợp với sự chuẩn bị và mức độ sẵn sàng của nền kinh tế và các doanh nghiệp. Cần có sự thống nhất về quan điểm, nhận thức và hành động, nhất là cần xây dựng các căn cứ khoa học và thực tiễn để phục vụ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Cần đảm bảo tầm nhìn dài hạn về các mục tiêu kinh tế, chính trị ngoại giao và mục tiêu chiến lược tổng thể trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đòi hỏi mức độ cam kết cao hơn cam kết gia nhập WTO cả về phạm vi và mức độ. Cần chủ động xem xét xây dựng, điều chỉnh khuôn khổ pháp lý trong nước để vừa phục vụ nhu cầu phát triển của đất nước, vừa hỗ trợ và tận dụng tốt nhất các cơ hội mà tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ đem lại.
- Cần chú trọng tăng cường chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập cũng như nâng cao năng lực nghiên cứu và năng lực triển khai bao gồm cả quản trị.
- Hội nhập kinh tế quốc tế cần gắn kết hơn với đổi mới kinh tế - xã hội trong nước để nâng cao hiệu quả và tăng cường thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu phát triển chung của đất nước, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng.

- Hội nhập kinh tế quốc tế cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa với hội nhập trong các lĩnh vực khác, nhưng hội nhập kinh tế quốc tế phải là trọng tâm, là nội dung chính và quan trọng nhất của Hội nhập quốc tế.
- Kết hợp chặt chẽ giữa Hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững độc lập tự chủ, chủ quyền và an ninh quốc phòng; giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái...; Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với chú trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

IV. Kết luận

Có thể nói, hội nhập quốc tế ở nước ta là một quá trình với cơ hội và thách thức đan xen tồn tại dưới dạng tiềm năng và có thể chuyển hoá lẫn nhau. Cơ hội và thách thức chỉ trở thành hiện thực trong những điều kiện cụ thể, mà ở đó vai trò của nhân tố chủ quan có tính quyết định rất lớn, trước hết đó là hiệu quả hoạt động lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quản lý của Nhà nước và tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết của toàn dân tộc. Thực tế đã chứng tỏ việc kiên định nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu đối với nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá sôi động hiện nay. Những thành tựu quan trọng giành được trong quá trình hội nhập quốc tế, trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là cơ sở để đất nước ta vững bước trên đường hội nhập và phát triển, sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công, hướng tới mục tiêu chiến lược dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm tới đang đứng trước những cơ hội và thách thức không nhỏ. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thực sự là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể phát triển kinh tế và hoàn thành sứ mệnh “sánh vai với các cường quốc năm châu”.

Việt Nam hội nhập với thế giới sẽ tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi. Đó không chỉ đơn thuần là mở rộng giao lưu với các nước mà còn là minh chứng cho sự khẳng định vị trí của mình trên trường quốc tế. Từ việc mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư... làm cho doanh nghiệp có thị phần ngày càng rộng lớn trên thế giới.

Tuy nhiên trong quá trình hội nhập cũng không tránh khỏi những khó khăn, thử thách như: hội nhập với các tổ chức kinh tế quốc tế sẽ đe dọa đến sự tồn tại của một số doanh nghiệp trong nước, ảnh hưởng tới chính trị, văn hoá của một quốc gia... Nhưng không vì thế mà chúng ta bỏ đi thời cơ của mình. Trái lại, chúng ta “hoà nhập chứ không hoà tan”, các doanh nghiệp Việt Nam không tự chôn mình mà tìm những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh. Nói một cách chung nhất, chúng ta hãy tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh quá trình chủ động hội nhập hơn nữa.

Chúng ta, những chủ nhân tương lai của đất nước phải thấy được tầm quan trọng của vấn đề hội nhập đối với sự phát triển của quốc gia. Từ đó thực hiện tốt trách nhiệm của mình để góp phần vào sự tiến bộ của đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toàn văn Hiệp định TPP;
2. Website Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
3. Nguyễn Đức Thành (2015), Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2015;
4. Toàn văn Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
5. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016.
6. Nguyễn Hồng Nga: Báo cáo Kinh tế thế giới và Việt Nam: Những điểm nhấn năm 2012 và triển vọng 2013.
7. Tài liệu môn học
<http://nghiencuuquocte.net>,
8. Yoshiteru Uramoto, Giám đốc ILO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Bình luận về Hội nhập kinh tế đem lại lợi ích gì cho Việt Nam và Asean
9. Bài bình luận của TS Lê Đăng Doanh “Cộng đồng Kinh tế Asean AEC: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam”
vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1_Vi%E1t_Nam
10. <http://ncif.gov.vn/> bộ kế hoạch và đầu tư trung tâm thông tin và dự báo kinh tế-xã hội quốc gia

